

Số: 02 /CTr-UBND

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 12 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ vào điều chỉnh một số chỉ tiêu cơ bản trong chỉ số thành phần của chỉ số PCI được công bố vào năm 2017 và kết quả công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh về việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017 đến năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

1. Đánh giá chung

Từ năm 2012 - 2019 chỉ số PCI của tỉnh có tăng về điểm số nhưng thứ hạng liên tục bị giảm so với các tỉnh, thành trên cả nước (năm 2012 xếp thứ 7/63; năm 2013 xếp hạng 14/63; năm 2014 xếp hạng 22/63; năm 2015 xếp hạng 33/63; năm 2016 xếp hạng 41/63; năm 2017 xếp hạng 42/63; năm 2018 xếp hạng 39/63; năm 2019 xếp hạng 51/63). Như vậy, đây là năm thứ 7 liên tiếp chỉ số PCI của tỉnh bị tụt hạng. Nhằm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 18/12/2018 về tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 26/02/2019 triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 18/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong đó, tập chung chỉ đạo các cấp, các ngành quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

Theo kết quả công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thì chỉ số PCI bao gồm 10 chỉ số thành phần và 128 chỉ tiêu cơ bản trong chỉ số thành phần. Chỉ số PCI tỉnh Bạc Liêu được 63,78 điểm, xếp thứ 51 trên 63 tỉnh, thành cả nước; tăng 1,25 điểm, giảm 12 bậc so với năm 2018 (năm 2018 được 62,53 điểm, xếp thứ 39 trên 63 tỉnh,

thành cả nước); xếp hạng ở nhóm trung bình so với cả nước và đứng thứ 11 so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long (trên các tỉnh: Sóc Trăng; Trà Vinh).

*** Kết quả chỉ số PCI của Bạc Liêu năm 2019 so với năm 2018**

STT	Chỉ số	Năm 2018	Năm 2019	Tăng (+)/Giảm (-) điểm so năm 2018
1	PCI	62,53	63,78	+ 1,25
2	Xếp hạng	39	51	- 12

*** Kết quả các chỉ số thành phần năm 2019 so với năm 2018**

STT	Chỉ số	Năm 2018	Năm 2019	Tăng (+)/Giảm (-) điểm so năm 2018	Xếp hạng so với cả nước 2018	Xếp hạng so với cả nước 2019	Tăng (+)/Giảm (-) xếp hạng so năm 2018
1	Gia nhập thị trường	6,64	7,65	+ 1,01	59	23	+ 36
2	Tiếp cận đất đai	7,17	7,44	+ 0,27	10	11	- 1
3	Tính minh bạch	5,61	6,36	+ 0,75	59	56	+ 3
4	Chi phí thời gian	6,30	7,07	+ 0,77	48	26	+ 22
5	Chi phí không chính thức	6,54	6,03	- 0,51	16	39	- 23
6	Tính năng động	5,36	6,25	+ 0,89	46	33	+ 13
7	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	7,03	5,77	- 1,26	10	47	- 37
8	Đào tạo lao động	5,50	6,26	+ 0,76	56	47	+ 9
9	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	6,43	6,52	+ 0,09	19	33	- 14
10	Cạnh tranh bình đẳng	7,51	7,02	- 0,49	3	13	- 10

Nhìn vào bảng kết quả năm 2019 cho thấy trong số 10 chỉ số thành phần thì có 07 chỉ số tăng điểm và 03 chỉ số giảm điểm so với năm 2018 cụ thể.

- Bảy chỉ số thành phần **tăng điểm** so năm 2018 là: (1) Gia nhập thị trường; (2) Tiếp cận đất đai; (3) Tính minh bạch; (4) Chi phí thời gian; (5) Tính năng động; (6) Đào tạo lao động; (7) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

- Ba chỉ số thành phần **giảm điểm** so năm 2018 là: (1) Chi phí không chính

thức; (2) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; (3) Cạnh tranh bình đẳng.

Chỉ số PCI năm 2019 chỉ số PCI của tỉnh tăng 1,25 điểm, với 07 chỉ số thành phần tăng điểm so với năm 2018 và được đánh giá là tỉnh có nhiều sự cải thiện về môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng thông thoáng, năng động và minh bạch trong những năm gần đây. Đây được xem là nỗ lực, quyết tâm của tỉnh trong việc cải thiện, nâng cao chỉ số PCI và cho thấy các giải pháp mà tỉnh đang triển khai thực hiện đã phần nào phát huy được hiệu quả.

Trong năm 2019 tỉnh rất quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo việc cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, để nâng cao chỉ số PCI; tuy nhiên về điểm số năm 2019 thì chỉ tăng 1,25 điểm và giảm 12 bậc so với năm 2018, điều này cho thấy các tỉnh, thành phố trong cả nước đang rất quyết liệt triển khai các giải pháp rất hiệu quả, tạo được nền tảng, niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp. Bên cạnh đó còn một số nguyên nhân như: Một số cơ quan, đơn vị được giao chủ trì, phụ trách duy trì thứ hạng và tiếp tục cải thiện điểm số của các chỉ số thành phần có thứ hạng và điểm số cao trong năm 2018, nhưng lại chưa thật sự quyết liệt trong việc triển khai các giải pháp của đơn vị mình, nên trong năm 2019 các chỉ số thành phần này lại có điểm số và thứ hạng giảm sâu, cụ thể như: Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, Chỉ số Chi phí không chính thức, Chỉ số cạnh tranh bình đẳng; Sự vào cuộc của các doanh nghiệp đồng hành cùng chung tay cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh là chưa cao, doanh nghiệp trong tỉnh phần lớn các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ chiếm trên 90%, hoạt động theo mô hình gia đình là chính, chưa hiểu rõ về chỉ số PCI do đó việc nhận định, đánh giá tỉnh Bạc Liêu chưa thật sự đầy đủ, gây ảnh hưởng đến việc đánh giá chỉ số PCI của tỉnh. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Mặc dù, tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhưng kết quả vẫn chưa cao; một số khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp và nhà đầu tư chậm được tháo gỡ và giải quyết, do hiện nay tỉnh Bạc Liêu chưa có đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư, dẫn đến các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn trong việc tiếp cận với các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu

- Xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, kinh doanh; khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp; thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư trong nước và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, sớm cải thiện cả về điểm số và xếp hạng, phấn đấu đưa chỉ số PCI của tỉnh nằm trong top 20 địa phương tốt nhất cả nước và tiếp tục duy trì thứ hạng này.

- Tăng cường hiệu quả công tác thu hút đầu tư trong và ngoài khu, cụm công nghiệp, xem trọng chất lượng hơn số lượng, tập trung vào 05 lĩnh vực trụ cột phát triển kinh tế xã hội: (1) Nông nghiệp mà trọng tâm là nông nghiệp ứng dụng công

nghệ cao, nâng cao hiệu quả sản xuất tôm, lúa gạo; (2) Năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) và điện khí; (3) Phát triển du lịch; (4) Phát triển thương mại dịch vụ - giáo dục đào tạo - y tế chất lượng cao; (5) Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Đồng thời, trên cơ sở kết quả phân tích chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề ra mục tiêu cụ thể cho từng chỉ tiêu của các chỉ số thành phần đến cấp Sở, Ngành, huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

S T T	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung vị cả nước năm 2019	Kết quả năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
1	Chỉ số gia nhập thị trường									
1.1	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	Thấp	5	7	≤5	≤4	≤3	≤2	≤1	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.2	Số ngày thay đổi đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	Thấp	4	2	≤2	≤1	≤1	≤1	≤1	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.3	Phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Thấp	17%	25%	≤13%	≤11%	≤10%	≤9%	≤8%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.4	Phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Thấp	3%	5%	≤3%	≤2,5%	≤2%	≤1,5%	≤1%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.5	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (Trực tuyến, TTHCC, bưu điện %)	Cao	41%	32%	≥60%	≥70%	≥80%	≥85%	≥90%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.6	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Thủ tục được niêm yết công khai (% đồng ý)	Cao	75%	78%	≥95%	100%	100%	100%	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.7	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	Cao	79%	88%	≥96%	≥98%	100%	100%	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.8	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Cán bộ am hiểu chuyên môn (% đồng ý)	Cao	63%	76%	≥90%	≥98%	100%	100%	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.9	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	Cao	74%	83%	≥95%	≥98%	100%	100%	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.10	Thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp: Ứng dụng công nghệ thông tin tốt (% đồng ý)	Cao	37%	46%	≥70%	≥80%	≥90%	100%	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Chỉ số tiếp cận đất đai									
2.1	Tỉ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	Cao	48%	70%	≥85%	≥88%	≥90%	≥95%	≥98%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.2	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	Thấp	30	45	<25	<20	<15	<10	<5	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5:	Cao	1,58	1,46	≥2,5	≥3	≥3,5	≥4	≥4,5	Sở Tài nguyên và

S T T	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung vị cả nước năm 2019	Kết quả năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	<i>rất thấp</i>)									Môi trường
2.4	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	Cao	45%	57%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.5	Khó khăn vì thiếu quỹ đất sạch	Thấp	19%	19%	≤15%	≤13%	≤11%	≤10%	≤8%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.6	Giải phóng mặt bằng chậm	Thấp	17%	19%	≤16%	≤15%	≤13%	≤11%	≤10%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.7	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhạy chóng (%)	Thấp	33%	44%	≤30%	≤25%	≤20%	≤18%	≤15%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.8	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% <i>luôn luôn/khả năng</i>)	Cao	31%	41%	≥60%	≥70%	≥80%	≥90%	≥95%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.9	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% <i>Đồng ý</i>)	Cao	79%	82%	≥92%	≥95%	≥98%	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.10	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	Cao	39%	41%	≥60%	≥70%	≥85%	≥90%	≥95%	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.11	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/ cản bộ những nhiễu (%)	Thấp	11%	7%	≤4%	≤3,5%	≤3%	≤2,5%	≤2%	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Chỉ số tính minh bạch									
3.1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (<i>1=Rất dễ; 5=không thể</i>)	Thấp	2,50	2,59	≤2,30	≤2	≤1,80	≤1,50	≤1,30	Văn phòng UBND tỉnh
3.2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (<i>1=rất dễ; 5=không thể</i>)	Thấp	3,08	3,16	≤2,80	≤2,50	≤2,30	≤2	≤1,50	Văn phòng UBND tỉnh
3.3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	Cao	88%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Tài chính
3.4	Thông tin mời thầu được công khai (%)	Cao	43%	33%	≥70%	≥80%	≥85%	≥90%	≥95%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3.5	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	Cao	65%	54%	≥75%	≥85%	≥90%	≥95%	≥98%	Văn phòng UBND tỉnh
3.6	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (<i>trung vị</i>)	Thấp	3	4,5	≤2,5	≤2	≤1,5	≤1	≤1	Văn phòng UBND tỉnh
3.7	Cần có "mối quan hệ" để có được tài liệu của tỉnh (%)	Thấp	60%	60%	≤40%	≤30%	≤20%	≤10%	≤5%	Văn phòng UBND tỉnh
3.8	"Thỏa thuận" khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng (%)	Thấp	47%	48%	≤35%	≤30%	≤25%	≤20%	≤10%	Cục thuế tỉnh
3.9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% <i>chắc chắn</i>)	Cao	7%	6%	≥9%	≥10%	≥12%	≥13%	≥15%	Sở Tư pháp
3.10	Vai trò Hiệp hội DN trong	Cao	46%	41%	≥60%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	Hiệp hội

S T T	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung vị cả nước năm 2019	Kết quả năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (%lớn/rất lớn)									Doanh nghiệp tỉnh
3.11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh (Nhóm nghiên cứu PCI)	Cao	35,25%	32,5%	≥50%	≥60%	≥70%	≥80%	≥90%	Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch
3.12	Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	Cao	84%	81%	≥90%	≥95%	≥100%	≥100 %	≥100%	Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch
4	Chỉ số chi phí thời gian									
4.1	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL (%)	Thấp	30%	35%	≤25%	≤20%	≤15%	≤10%	≤10%	Sở Tư pháp
4.2	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	Cao	81%	85%	≥95%	≥98%	≥100%	≥100 %	≥100%	Sở Nội vụ
4.3	CBCC thân thiện (%)	Cao	74%	85%	≥95%	≥100%	≥100%	≥100 %	≥100%	Sở Nội vụ
4.4	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	Cao	63%	64%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	≥95%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4.5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	Cao	60%	62%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	Văn phòng UBND tỉnh
4.6	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	Cao	94%	93%	≥98%	≥100%	≥100%	≥100 %	≥100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC tỉnh)
4.7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)	Cao	73%	71%	≥83%	≥85%	≥88%	≥90%	≥92%	Văn phòng UBND tỉnh
4.8	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm (%)	Thấp	6%	6%	≤4%	≤3%	≤2%	≤1,5%	≤1%	Thanh tra tỉnh
4.9	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Thấp	11%	9%	≤7%	≤6%	≤5%	≤4%	≤3%	Thanh tra tỉnh
4.10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	Thấp	19.5	18	≤12	≤10	≤8	≤6	≤4	Cục Thuế tỉnh
4.11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiễu DN (%)	Thấp	15%	16%	≤13%	≤10%	≤8%	≤7%	≤6%	Thanh tra tỉnh
5	Chỉ số chi phí không chính thức (CPKCT)									
5.1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	Thấp	54%	49%	≤35%	≤30%	≤25%	≤20%	≤10%	Thanh tra tỉnh
5.2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (%luôn luôn/hầu hết)	Cao	61%	62%	≥68%	≥70%	≥75%	≥80%	≥83%	Thanh tra tỉnh
5.3	Tình trạng những nhiễu khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	Thấp	54%	56%	≤35%	≤25%	≤20%	≤15%	≤10%	Thanh tra tỉnh
5.4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Cao	83%	85%	≥90%	≥92%	≥94%	≥96%	≥97%	Thanh tra tỉnh
5.5	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Thấp	39%	27%	≤17%	≤15%	≤13%	≤10%	≤8%	Thanh tra tỉnh
5.6	Tỉ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các	Thấp	8%	7%	≤4%	≤3%	≤2%	≤1%	≤1%	Thanh tra tỉnh

S T T	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung vị cả nước năm 2019	Kết quả năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	loại CPKCT (%)									
5.7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai (%)	Thấp	36%	50%	≤25%	≤20%	≤15%	≤10%	≤5%	Sở Tài nguyên và Môi trường
5.8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	Thấp	41%	36%	≤25%	≤20%	≤15%	≤10%	≤5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5.9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	Thấp	22%	40%	≤15%	≤10%	≤8%	≤5%	≤3%	Tòa án tỉnh
6	Chỉ số tính năng động									
6.1	UBND tỉnh vận dụng pháp luật linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN (%)	Cao	80%	76%	≥87%	≥89%	≥93%	≥95%	≥98%	Văn phòng UBND tỉnh
6.2	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	Cao	66%	64%	≥75%	≥80%	≥85%	≥88%	≥93%	Văn phòng UBND tỉnh
6.3	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực (%)	Cao	54%	56%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	Văn phòng UBND tỉnh
6.4	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành (%)	Thấp	76%	66%	≤55%	≤50%	≤45%	≤40%	≤35%	Văn phòng UBND tỉnh
6.5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị	Thấp	56%	53%	≤42%	≤37%	≤32%	≤28%	≤25%	Văn phòng UBND tỉnh
6.6	Khi chính sách, pháp luật Trung ương có điểm chưa rõ, cơ quan tỉnh thường "đợi xin ý kiến chỉ đạo"/"không làm gì cả" (%)	Thấp	26%	35%	≤25%	≤22%	≤20%	≤18%	≤15%	Văn phòng UBND tỉnh
6.7	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại DN (%)	Cao	74%	71%	≥85%	≥90%	≥95%	≥100%	≥100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.8	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	Cao	95%	87%	≥97%	≥99%	≥100%	≥100%	≥100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.9	Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh (%)	Cao	82%	96%	≥99%	≥100%	≥100%	≥100%	≥100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp									
7.1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua	Cao	14	20	≥18	≥20	≥22	≥24	≥26	Sở Công Thương
7.2	Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%)	Cao	0,62%	1,17%	≥2,1%	≥2,6%	≥3,1%	≥3,6%	≥4%	Sở Công Thương
7.3	Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%)	Cao	71%	22%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	≥95%	Sở Công Thương
7.4	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	Cao	56%	39%	≥65%	≥75%	≥85%	≥90%	≥95%	Sở Công Thương

[illegible]

S T T	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung vị cả nước năm 2019	Kết quả năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
8.1	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)	Cao	62%	65%	≥75%	≥78%	≥82%	≥86%	≥90%	Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ
8.2	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)	Cao	43%	44%	≥60%	≥65%	≥70%	≥75%	≥80%	Sở LĐ - TB&XH
8.3	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	Cao	65%	60%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	≥95%	Sở LĐ - TB&XH
8.4	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	Cao	59%	60%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	≥95%	Sở LĐ - TB&XH
8.5	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)	Cao	66%	60%	≥80%	≥88%	≥90%	≥93%	≥96%	Sở LĐ - TB&XH
8.6	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)	Thấp	6,30	4,42	≤3,5%	≤3%	≤2,5%	≤2%	≤1,8%	Sở LĐ - TB&XH
8.7	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)	Thấp	4,86	6,03	≤4%	≤3,5%	≤3%	≤2,5%	≤2%	Sở LĐ - TB&XH
8.8	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	Cao	90%	86%	≥97%	≥99%	≥100%	≥100%	≥100%	Sở LĐ - TB&XH
8.9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo(% , BLĐTBXH)	Cao	6%	4%	≥9%	≥11%	≥13%	≥15%	≥17%	Sở LĐ - TB&XH
8.10	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (% , BLĐTBXH)	Cao	11%	8%	≥15%	≥17%	≥19%	≥21%	≥23%	Sở LĐ - TB&XH
8.11	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	Cao	53%	60%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	Sở LĐ - TB&XH
9	Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự									
9.1	Tin tưởng hệ thống pháp luật sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN (%)	Cao	88%	85%	≥92%	≥94%	≥96%	≥98%	≥99%	Sở Tư pháp
9.2	Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều (%)	Cao	35%	47%	≥60%	≥65%	≥70%	≥75%	≥80%	Thanh tra tỉnh
9.3	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN (%)	Cao	40%	51%	≥65%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	Thanh tra tỉnh
9.4	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Cao	56%	60%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	Tòa án tỉnh
9.5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (%)	Cao	91%	85%	≥97%	≥99%	≥100%	≥100%	≥100%	Tòa án tỉnh
9.6	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	Cao	87%	80%	≥93%	≥96%	≥99%	≥100%	≥100%	Tòa án tỉnh
9.7	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	Cao	72%	67%	≥85%	≥90%	≥93%	≥96%	≥99%	Tòa án tỉnh
9.8	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	Cao	76%	74%	≥85%	≥90%	≥93%	≥96%	≥100%	Cục thi hành án dân sự tỉnh

S T T	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung vị cả nước năm 2019	Kết quả năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
9.9	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng đề khởi kiện (%)	Cao	78%	74%	≥90%	≥93%	≥96%	≥99%	≥100%	Sở Tư pháp
9.10	Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án (%)	Cao	83%	78%	≥93%	≥95%	≥97%	≥98%	≥99%	Tòa án tỉnh
9.11	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN	Thấp	1,82	4,90	≤3,1%	≤2,4%	≤1,8%	≤1,3%	≤0,9%	Tòa án tỉnh
9.12	Tỉ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Tòa án tỉnh (%)	Thấp	86%	79%	≥89%	≥91%	≥93%	≥95%	≥97%	Tòa án tỉnh
9.13	Tỉ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm (%)	Cao	63%	63%	≥80%	≥85%	≥90%	≥95%	≥99%	Tòa án tỉnh
9.14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	Cao	60%	54%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	Công an tỉnh
9.15	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	Thấp	11%	21%	≤8%	≤6%	≤4%	≤3%	≤2%	Công an tỉnh
9.16	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản (%)	Cao	60%	54%	≥70%	≥75%	≥80%	≥85%	≥90%	Công an tỉnh
9.17	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	Thấp	2%	0%	≤0%	≤0%	≤0%	≤0%	≤0%	Công an tỉnh
10	Chỉ số cạnh tranh bình đẳng									
10.1	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN" (% Đồng ý)	Thấp	31%	32%	≤19%	≤14%	≤10%	≤5%	≤1%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	Thấp	24%	24%	≤15%	≤11%	≤7%	≤3%	≤1%	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	Thấp	23%	27%	≤15%	≤11%	≤7%	≤3%	≤1%	CN Ngân hàng nhà nước tỉnh Bạc Liêu
10.4	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	Thấp	15%	15%	≤8%	≤6%	≤4%	≤2%	≤1%	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.5	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	Thấp	20%	23%	≤10%	≤7%	≤4%	≤2%	≤1%	Văn phòng UBND tỉnh
10.6	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	Thấp	21%	23%	≤10%	≤7%	≤4%	≤2%	≤1%	Văn phòng UBND tỉnh
10.7	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	Thấp	41%	38%	≤25%	≤20%	≤15%	≤10%	≤5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.8	Tinh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực	Thấp	35%	21%	≤12%	≤9%	≤7%	≤6%	≤5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư

S T T	Chỉ tiêu	Kỳ vọng	Mức trung vị cả nước năm 2019	Kết quả năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính
	tư nhân (% Đồng ý)									
10.9	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	Thấp	22%	15%	≤10%	≤8%	≤6%	≤4%	≤2%	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.10	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN (% Đồng ý)	Thấp	18%	13%	≤6%	≤4%	≤3%	≤2%	≤1%	Cục Thuế tỉnh
10.11	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	Thấp	18%	10%	≤6%	≤4%	≤3%	≤2%	≤1%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.12	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (% Đồng ý)	Thấp	22%	10%	≤6%	≤4%	≤3%	≤2%	≤1%	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10.13	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	Thấp	63%	61%	≤40%	≤30%	≤20%	≤10%	≤2%	Sở Tài nguyên và Môi trường
10.14	Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	Thấp	51%	47%	≤30%	≤25%	≤20%	≤15%	≤5%	Cục Thuế tỉnh

3. Nhiệm vụ

3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Chi phí gia nhập thị trường, Cạnh tranh bình đẳng** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần (**Tính minh bạch; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Tính năng động; Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp**) cụ thể sau:

- Chi phí gia nhập thị trường (tất cả các chỉ tiêu của chỉ số thành phần này).
- Tính minh bạch (chỉ tiêu 3.4).
- Chi phí thời gian (chỉ tiêu: 4.4).
- Chi phí không chính thức (chỉ tiêu 5.8).
- Tính năng động (các chỉ tiêu: 6.7; 6.8; 6.9).
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (các chỉ tiêu: 7.22; 7.23; 7.24).
- Cạnh tranh bình đẳng (chỉ tiêu: 10.1; 10.7; 10.8; 10.11; 10.12).

Tham mưu ban hành các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số PCI; tổng hợp báo cáo hàng quý của các Sở, Ngành, địa phương liên quan đến PCI để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời và đôn đốc các Sở, Ngành nghiêm túc thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI), Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Cần Thơ (VCCI Cần

Thor) tham mưu triển khai các nội dung tư vấn cho tỉnh Bạc Liêu trong nâng cao chỉ số PCI của tỉnh.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Tiếp cận đất đai** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần (**Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng**) cụ thể sau:

- *Tiếp cận đất đai (tất cả các chỉ tiêu của chỉ số thành phần này).*
- *Chi phí không chính thức (chỉ tiêu 5.7).*
- *Cạnh tranh bình đẳng (các chỉ tiêu: 10.2; 10.4; 10.9; 10.13).*

3.3. Sở Tư pháp

Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi, chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao, chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần (**Tính minh bạch; Chi phí thời gian; Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự**), cụ thể sau:

- *Tính minh bạch (chỉ tiêu: 3.9).*
- *Chi phí thời gian (chỉ tiêu: 4.1).*
- *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (các chỉ tiêu: 7.7; 7.8; 7.9).*
- *Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (các chỉ tiêu: 9.1; 9.9).*

3.4. Sở Công Thương: Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp** (các chỉ tiêu: 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6; 7.10; 7.11; 7.12; 7.13; 7.14; 7.15).

3.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Đào tạo lao động** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Đào tạo lao động** (các chỉ tiêu: 8.2; 8.3; 8.4; 8.5; 8.6; 8.7; 8.8; 8.9; 8.10; 8.11).

3.6. Tòa án nhân dân tỉnh: Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Chi phí không chính thức** cụ thể sau:

- *Chi phí không chính thức (chỉ tiêu 5.9).*
- *Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (các chỉ tiêu: 9.4; 9.5; 9.6; 9.7; 9.10; 9.11; 9.12; 9.13).*

3.7. Thanh tra tỉnh: Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Chi phí không chính thức** và thực hiện các

giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần (**Chi phí thời gian; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự**) cụ thể sau:

- *Chi phí thời gian* (các chỉ tiêu: 4.8; 4.9; 4.11).
- *Chi phí không chính thức* (các chỉ tiêu: 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6).
- *Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự* (các chỉ tiêu: 9.2; 9.3).

3.8. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chủ trì theo dõi và chỉ đạo cải thiện chỉ số thành phần **Tính minh bạch, Chi phí thời gian, Tính năng động, Cạnh tranh bình đẳng** và thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần cụ thể sau:

- + *Tính minh bạch* (các chỉ tiêu: 3.1; 3.2; 3.5; 3.6; 3.7).
- + *Chi phí thời gian* (các chỉ tiêu: 4.5; 4.6; 4.7).
- + *Tính năng động* (các chỉ tiêu: 6.1; 6.2; 6.3; 6.4; 6.5; 6.6).
- + *Cạnh tranh bình đẳng* (chỉ tiêu: 10.5; 10.6)

- Tăng cường kiểm tra, hoạt động của bộ phận một cửa; giám sát, kiểm tra, chấn chỉnh công vụ; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm không đúng quy chế “một cửa”, “một cửa liên thông”. Thời gian kiểm tra định kỳ 3 tháng/lần và đột xuất khi có phản ánh.

- Thường xuyên rà soát và đôn đốc các Sở, Ngành, địa phương cập nhật và nâng cao chất lượng các trang thông tin điện tử của đơn vị mình đảm bảo thông tin công khai minh bạch và dễ hiểu, dễ tra cứu về các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

3.9. Sở Nội vụ: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Chi phí thời gian** (cụ thể các chỉ tiêu: 4.2; 4.3).

3.10. Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch

- Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Tính minh bạch** (các chỉ tiêu: 3.11; 3.12).

Tham mưu triển khai đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế. Ưu tiên hàng đầu nhiệm vụ thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Thực hiện công tác thông tin đối ngoại: Theo dõi dư luận xã hội thông tin định hướng đối ngoại kịp thời phản biện thông tin trái chiều liên quan đến môi trường đầu tư của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo, đài Trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh PCI để cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước hiểu, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện có hiệu quả.

3.11. Sở Tài chính

Chủ trì xây dựng phương án tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp; chủ trì công bố định kỳ các tài liệu về ngân sách tỉnh sau khi đã được phê duyệt; đề xuất các giải pháp cụ thể về kinh phí thực hiện triển khai cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần (*Tính minh bạch; Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp*), cụ thể như sau:

- *Tính minh bạch (chỉ tiêu: 3.3).*
- *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (các chỉ tiêu: 7.19; 7.20; 7.21;).*

3.12. Cục Thuế tỉnh: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc các chỉ số thành phần *Tính minh bạch, Chi phí thời gian, Cạnh tranh bình đẳng*, cụ thể sau:

- *Tính minh bạch (chỉ tiêu: 3.8).*
- *Chi phí thời gian (chỉ tiêu: 4.10).*
- *Cạnh tranh bình đẳng (các chỉ tiêu: 10.10; 10.14).*

3.13. Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, Đào tạo lao động*, cụ thể sau:

- *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (các chỉ tiêu: 7.16; 7.17; 7.18).*
- *Đào tạo lao động (chỉ tiêu: 8.1).*

3.14. Cục Thi hành án dân sự tỉnh: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần *Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự* (cụ thể chỉ tiêu: 9.8).

3.15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình kết nối Ngân hàng, hỗ trợ vay vốn cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp định kỳ hàng năm, thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần *Cạnh tranh bình đẳng* (cụ thể chỉ tiêu: 10.3).

3.16. Công an tỉnh: Là cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần *Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự* (cụ thể các chỉ tiêu: 9.14; 9.15; 9.16; 9.17).

3.17. Sở Giao thông vận tải: Đảm bảo giao thông các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa và kịp thời khắc phục các điểm mất an toàn giao thông; có giải

pháp thiết thực nhằm giảm bớt thời gian đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

3.18. Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành liên quan trong đẩy mạnh triển khai các thủ tục liên quan đến cấp phép xây dựng; công khai quy hoạch xây dựng; tiếp tục đơn giản hóa và giảm tối đa thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực xây dựng.

3.19. Ban Quản lý các Khu công nghiệp: Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác mời gọi đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Láng Trâm; đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư để thu hút các nhà đầu tư vào các khu công nghiệp. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch hành động góp phần cải thiện chỉ số PCI chung của tỉnh.

3.20. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao và chịu trách nhiệm về kết quả của các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần **Tính minh bạch** (cụ thể chỉ tiêu: 3.10).

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch hành động góp phần cải thiện chỉ số PCI chung của tỉnh.

- Đề xuất các giải pháp mới liên quan đến công tác hỗ trợ doanh nghiệp một cách thiết thực hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai hiệu quả mô hình “Cafe doanh nghiệp”; chủ động đưa ra các sáng kiến, mô hình mới đảm bảo nâng cao hiệu quả chỉ số thành phần liên quan đến chỉ số tính minh bạch và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Duy trì và tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, đẩy mạnh vai trò phản biện trong tham gia xây dựng các quy định, cơ chế chính sách của tỉnh, tạo cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả, góp phần cải thiện tích cực môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh;

- Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã và các hội nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chấp hành, thực hiện tốt các quy định của pháp luật; tăng cường liên kết, hợp tác ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại nâng cao năng lực sản xuất; nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh, nhất là tận dụng lợi thế từ hội nhập quốc tế; đảm bảo nâng cao hiệu quả chỉ số thành phần liên quan đến chỉ số tính minh bạch và hỗ trợ doanh nghiệp; phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong triển khai các giải pháp hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp và các nội dung liên quan đến PCI.

3.21. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Chương trình hành động này, chủ động xây dựng nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chất lượng điều hành thuộc chức năng, nhiệm vụ; xây dựng các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả hơn nữa các chủ trương, chính sách của Trung ương, tỉnh; thực hiện công bố

công khai quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành của từng địa phương để người dân, nhà đầu tư và các doanh nghiệp tiếp cận thông tin một cách nhanh nhất; phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong triển khai chương trình khảo sát PCI và hỗ trợ đồng hành cùng doanh nghiệp và các chương trình xúc tiến đầu tư.

- Căn cứ vào Kế hoạch đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, Ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (DDCI) năm 2020 và những năm tiếp theo, các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của địa phương mình.

- Triển khai sâu rộng công tác tuyên truyền về việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, tăng cường quản lý đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn địa phương.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (DDCI) đến các đơn vị xã, phường, thị trấn.

4. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thường xuyên trong giai đoạn 2021 - 2025:

4.1. Những nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai thực hiện ngay

(1) Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, bám sát mục tiêu của từng chỉ tiêu của 10 chỉ số thành phần PCI nêu trên phải khẩn trương chủ động xây dựng kế hoạch hành động cụ thể phù hợp với từng chỉ tiêu, phân công rõ ràng trách nhiệm của người đứng đầu và giữa các đơn vị trực thuộc Sở, Ban, Ngành, huyện, thị xã, thành phố để có cơ sở kiểm tra, đôn đốc kết quả thực hiện của các đơn vị. Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ để có giải pháp xử lý kịp thời, phù hợp linh hoạt và kiến nghị tỉnh các giải pháp điều hành hiệu quả.

Cơ quan thực hiện: Các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

(2) Tổ chức đối thoại hiệu quả với doanh nghiệp, nhà đầu tư, định kỳ ít nhất 02 lần/năm đối với cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (*vào quý I, quý III hàng năm; đối thoại theo từng chuyên đề*) để gặp gỡ, lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp cũng như tạo sự gần gũi, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và nhân rộng mô hình “*cà phê doanh nhân*” đến các huyện, thị xã, thành phố. Định kỳ hàng năm có tổng kết, đánh giá hiệu quả của mô hình “*cà phê doanh nghiệp*”.

Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(3) Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính toàn diện:

- Xây dựng “*phần mềm đăng ký chung tích hợp*” tất cả các Sở, Ban, Ngành sử dụng chung dữ liệu đăng ký kinh doanh.

- Rà soát thủ tục hành chính (TTHC), rút ngắn thời gian thực hiện TTHC, văn bản hướng dẫn bộ hồ sơ đơn giản, dễ hiểu, “*hướng dẫn đầy đủ 01 lần*”. Đặc biệt, rà soát, cắt giảm TTHC liên quan đất đai (*Sở Tài nguyên và Môi trường*).

- Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giải quyết TTHC; số lượng các dịch vụ công cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, 4. Tổ chức tập huấn đào tạo cho doanh nghiệp đăng ký dịch vụ công trực tuyến.

- Đánh giá mức độ hài lòng và phản hồi với bộ phận “*Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả*” (*Sở Nội vụ*).

- Mô hình Tổ dịch vụ công cung cấp các dịch vụ hỗ trợ giải quyết TTHC cho nhà đầu tư (*Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

- Nâng cấp website tỉnh chú trọng đến chất lượng, số lượng bản tin đăng tải kịp thời, trọng tâm vào những thế mạnh của tỉnh.

Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch.

Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, Ngành có liên quan.

(4) Phát huy vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

- Xây dựng kiện toàn bộ máy thường trực trực tiếp làm việc.

- Xây dựng chương trình định hướng hoạt động Hiệp hội theo từng năm.

- Phối hợp Sở, Ban, Ngành hỗ trợ doanh nghiệp các hoạt động hỗ trợ tư vấn thành lập doanh nghiệp và sau khi thành lập doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, tuyên truyền các chính sách pháp luật.

- Xây dựng chương trình đào tạo cho doanh nghiệp hàng năm.

Cơ quan thực hiện: Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, Ngành có liên quan.

(5) Xây dựng chương trình đào tạo dành cho cán bộ công chức

- Tổ chức đào tạo định kỳ cán bộ công chức theo lộ trình 03 năm, định kỳ 04 khóa học theo từng quý: 02 nhóm: Lãnh đạo Sở, Ngành, cấp Trưởng, Phó Phòng và chuyên viên. Các khóa học về: Kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách thị trường nhập khẩu, các quy định về xuất xứ hàng hóa, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ quốc tế,...

- Thực hiện chấm điểm “*nụ cười công sở*”, hiệu năng làm việc qua đánh giá của doanh nghiệp.

- Thực hiện công việc trên tinh thần “*hết việc, không hết giờ*” hay “*nhanh hơn quy định, chứ không theo quy định*”

Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ.

Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ngành có liên quan.

(6) Về tuyên truyền chỉ số PCI đến cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư và cán bộ công chức

- Tích cực tuyên truyền một cách bài bản; nâng cao hiệu quả, hiệu ứng của các kênh tuyên truyền về PCI để các nhà đầu tư, doanh nghiệp và chính bản thân cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ liên quan đến PCI nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để tăng cường vai trò, trách nhiệm của cán bộ công chức làm trực tiếp cũng như của chính các Sở, Ngành, địa phương.

- Nghiên cứu, triển khai chương trình truyền thông (bao gồm: Báo, đài và truyền hình,...) về PCI theo chuyên đề hàng quý để nâng cao hiệu ứng từ công tác truyền thông.

- Hợp tác với các cơ quan báo chí truyền thông của tỉnh và Trung ương để nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch.

Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ngành có liên quan.

(7) Tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Cần Thơ (VCCI Cần Thơ)

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả ký kết hợp tác toàn diện với VCCI về tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp theo Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ.

- Tăng cường mối quan hệ với VCCI và VCCI Cần Thơ để được tư vấn hỗ trợ cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI của tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp và kêu gọi xúc tiến đầu tư,...

- Thường xuyên duy trì liên hệ và tranh thủ ý kiến tham vấn từ các chuyên gia về PCI của VCCI. Cung cấp và cập nhật thông tin kịp thời về PCI, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh Bạc Liêu đến VCCI để phối hợp trong công tác đánh giá PCI.

- Tích cực tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn, đào tạo; tọa đàm, hội nghị liên quan đến chỉ số PCI, hỗ trợ doanh nghiệp do VCCI, VCCI Cần Thơ tổ chức.

- Tích cực phối hợp với VCCI Cần Thơ cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, Ngành và địa phương (*Department and District Competitiveness Index - DDCI*) tỉnh Bạc Liêu năm 2020 và những năm tiếp theo.

Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ngành có liên quan.

4.2. Những nhiệm vụ, giải pháp dài hạn

(1) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Rà soát số lượng doanh nghiệp (*di dời, giải thể, đang hoạt động*) thống kê theo lĩnh vực, ngành nghề, địa chỉ, liên hệ, ...

- Xây dựng hoàn thiện "**Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp**" phục vụ tất cả các Sở Ngành, công tác đào tạo, hội thảo, quản lý, truyền thông, ...

- Định kỳ khảo sát nhu cầu thực tế, khó khăn và mong muốn của doanh nghiệp kỳ vọng ở chính quyền (*1 lần/năm*)

Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Đơn vị phối hợp: Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch, Cục Thuế tỉnh, Sở Công Thương, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

(2) Xây dựng chính quyền điện tử

- Xây dựng chính quyền điện tử, quản trị dữ liệu trong công tác quản lý hành chính, có thể truy xuất dữ liệu liên ngành.

- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng Thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị, địa phương; hệ thống một cửa, một cửa liên thông điện tử; Cổng dịch vụ công tỉnh hoạt động thông suốt, ổn định.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, Ngành, địa phương tiếp tục cập nhật triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo quy định.

- Tăng cường hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc các Sở, Ngành, địa phương rà soát, cung cấp đầy đủ các thông tin cần công khai, minh bạch trên Cổng thông tin các cơ quan, đơn vị, địa phương như: Tài liệu về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực; ...

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch

Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan.

(3) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, Ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Bạc Liêu.

Khảo sát DDCI trên cơ sở thăm dò mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã đang đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh đối với năng lực điều hành kinh tế cấp Sở, Ban, Ngành và huyện, thị, thành phố.

DDCI thực chất là PCI thu nhỏ: Giám sát các hoạt động điều hành kinh tế của tỉnh, giúp Sở, Ban, Ngành liên tục cải cách và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Xây dựng dự toán kinh phí, phương án đánh giá, bộ tiêu chí DDCI.

- Xây dựng chương trình toàn diện 05 năm, thực hiện đánh giá thường niên.

Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

(4) Xây dựng kế hoạch, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Xây dựng chính sách riêng của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa như: chính sách miễn giảm thuế, cung cấp miễn phí phần mềm quản lý, đào tạo và hỗ trợ khai báo thuế, chính sách vay vốn ưu đãi.

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp: Thành lập Hội đồng Tư vấn khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp tỉnh; xây dựng chính sách cụ thể hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo: ưu đãi về thuế, vốn vay, mặt bằng, thành lập Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp đi vào hoạt động. Hàng năm xây dựng chương trình đào tạo, kết nối thị trường, xúc tiến thương mại, ...

Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

(5) Xây dựng chương trình đào tạo đào tạo lao động, định hướng tư vấn nghề

- Xây dựng chương trình dài hạn (5 năm) tại địa phương và hỗ trợ từ Trung ương trong đào tạo lao động nghề.

- Hàng năm rà soát và dự báo nhu cầu học nghề, giải quyết việc làm tại chỗ.

- Tổ chức đào tạo nghề ngắn hạn và dài hạn cho doanh nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào cơ sở dạy nghề, ngoại ngữ, công nghệ thông tin.

- Tăng cường vai trò của Trung tâm Dịch vụ việc làm trong công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, chủ động phối hợp với doanh nghiệp nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động.

- Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực có trình độ du học nước ngoài

Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và xã hội

Cơ quan phối hợp: Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Dịch vụ việc làm, Trường Đại học Bạc Liêu, Trường Cao đẳng nghề, Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật, Hiệp hội doanh nghiệp.

(6) Xây dựng chương trình Xúc tiến đầu tư; chương trình xúc tiến thương mại; chương trình xúc tiến du lịch có hiệu quả.

*** Về xúc tiến thương mại:**

- Xây dựng Kế hoạch xúc tiến thị trường của tỉnh trong 05 năm, chú trọng tính liên kết với các địa phương lân cận trong khâu tổ chức đoàn xúc tiến thương mại, liên kết phát triển, mở rộng thị trường.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình “*Tư vấn và xây dựng chiến lược xuất khẩu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*” như: Hỗ trợ vốn, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, xây dựng thương hiệu, phương thức marketing hiệu quả.

- Tổ chức khóa huấn luyện kỹ năng mềm cho doanh nghiệp: Kỹ năng tham gia hội chợ quốc tế, kỹ năng đàm phán và thương thảo hợp đồng xuất khẩu.

- Xây dựng Kế hoạch marketing thương hiệu, sản phẩm của làng nghề "*Mỗi làng nghề một sản phẩm*". Các làng nghề truyền thống như: Nghề đan đất, nghề dệt chiếu, nghề đan lưới, nghề mộc, nghề làm muối, nghề làm bánh tráng, nghề rèn, nghề chằm lá, nghề làm bánh kẹo, ... Tập trung nhiều ở các huyện: Hồng Dân, Phước Long, Đông Hải và thành phố Bạc Liêu. Đồng thời, thực hiện công tác truyền thông chuyên đề làng nghề (*tiếng Việt và tiếng Anh*).

*** Về xúc tiến du lịch:**

- Xây dựng và thực hiện một số chương trình như: "*Chương trình phát triển du lịch làng nghề truyền thống*", "*Chương trình phát triển du lịch tâm linh*", "*Xây dựng chương trình du lịch sinh thái kết hợp phát triển loại hình nghệ thuật đờn ca tài tử*" nhằm phát huy và vinh danh loại hình nghệ thuật đã được tổ chức UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, để thu hút khách du lịch, phù hợp theo từng đối tượng, từng vùng, miền, trong và ngoài nước.

- Xây dựng chương trình quảng bá du lịch địa phương: Xây dựng chương trình và kế hoạch phối hợp với Công ty du lịch thiết kế tour lưu trú tại tỉnh giới thiệu tiềm năng về ẩm thực thủy sản, tham quan cánh đồng điện gió, kết hợp tham quan làng nghề truyền thống và tổ chức định kỳ buổi trình diễn đờn ca tài tử giới thiệu đến khách du lịch. Xây dựng "*Chương trình giao lưu Ẩm thực vùng miền*" kế hoạch định kỳ hằng năm tổ chức cuộc thi trình diễn ẩm thực, lấy chủ đề "*con tôm*" làm chủ đạo.

- Hàng năm, phối hợp tổ chức Liên hoan hoặc Hội thi Hương dân viên, thuyết minh viên du lịch giỏi; Hội thi thiết kế logo Du lịch Bạc Liêu, các ấn phẩm du lịch, quà lưu niệm... qua đó tìm ra các tác phẩm đặc sắc để giới thiệu với du khách.

- Xây dựng chính sách đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho ngành du lịch về các kỹ năng về chuyên môn và giao tiếp với khách quốc tế.

*** Về xúc tiến đầu tư:**

- Thành lập Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp và xúc tiến Đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Hàng năm xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh và triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Nguyên tắc lựa chọn đối tác đầu tư phải mang tính chiến lược, chú trọng lựa chọn các nhà đầu tư lớn có khả năng dẫn dắt thị trường

- Công tác thu hút đầu tư cần chú trọng hiệu ứng lan tỏa về công nghệ và trình độ quản lý từ các nhà đầu tư nước ngoài đến các nhà sản xuất trong tỉnh, nhất là các lĩnh vực ứng dụng công nghệ tiên tiến.

+ Giới thiệu các dự án, kết nối doanh nghiệp nước ngoài đến tỉnh;

+ Công khai thông tin quy hoạch, kế hoạch của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện truyền thông;

+ Xây dựng và thực hiện chính sách cụ thể thu hút và hỗ trợ nhà đầu tư trong và ngoài nước;

+ Xây dựng “Chương trình giao lưu văn hóa” giữa tỉnh Bạc Liêu và các nước trong khu vực Asean, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, ... Thông qua hoạt động giao lưu văn hóa để tiến đến giao lưu thương mại và thu hút đầu tư của nước bạn vào tỉnh Bạc Liêu.

- Tăng cường phối hợp với Cục Đầu tư nước ngoài (*thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư*), Tổng Cục Du lịch (*thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*), Cục Xúc tiến Thương mại (*thuộc Bộ Công thương*) tổ chức các Đoàn công tác Xúc tiến mời gọi đầu tư vào Bạc Liêu đối với một số nước tiềm năng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Kết nối với các tổ chức, cá nhân là người Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, khuyến khích vận động họ trở về đầu tư một số dự án tỉnh đang mời gọi đầu tư, đặc biệt lấp đầy các dự án tại Khu công nghiệp Trà Kha và một số Khu công nghiệp trong tỉnh.

* Đồng thời, nghiên cứu đề xuất triển khai thực hiện việc tạo APP ứng dụng (*giai đoạn đầu song ngữ Anh-Việt*) giới thiệu các hoạt động liên quan đến hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của tỉnh, đây là công cụ hữu hiệu, thông tin nhanh chóng, chính xác, có tính minh bạch cao, giúp các doanh nghiệp, nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tiếp cận kịp thời những thông tin bổ ích khi họ cần tìm hiểu về Bạc Liêu, rút ngắn được thời gian, công sức trong việc lập thủ tục đầu tư dự án vào địa phương.

Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch (*Trung tâm xúc tiến Du lịch*), Sở Công Thương (*Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại*).

Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hiệp Hội Du lịch tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, bám sát các chỉ số thành phần PCI liên quan và nhiệm vụ giải pháp đã nêu trên khản trương xây dựng kế hoạch hành động cụ thể phù hợp với từng chỉ tiêu của các chỉ số thành phần được phân công, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư*) trước ngày 30 tháng 11 năm 2020. Các cơ quan được giao chủ trì và chịu trách nhiệm chính về kết quả từng chỉ tiêu của chỉ số thành phần chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện điểm số các chỉ tiêu này như mục tiêu đề ra. Trong kế hoạch của từng đơn vị cần phân công rõ ràng trách nhiệm vai trò người đứng đầu và giữa các đơn vị trực thuộc Sở, Ban, Ngành, huyện, thị xã, thành phố để có cơ sở kiểm tra, đôn đốc kết quả thực hiện của các đơn vị.

5.2. Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện để có giải pháp xử lý kịp thời, phù hợp linh hoạt và kiến nghị tình các giải pháp điều hành hiệu quả.

Định kỳ 6 tháng (*trước ngày 20 của tháng cuối*) báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.3. Các Sở, Ban, Ngành, địa phương định kỳ ít nhất một năm hai lần chủ động tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp thuộc chức năng của ngành cấp quản lý để nghe và chủ động tháo gỡ hoặc tổng hợp đề xuất gửi các cơ quan liên quan tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp; gửi báo cáo triển khai về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.4. Các Sở, Ngành được giao làm đầu mối từng chỉ số thành phần phải tổ chức họp định kỳ hàng quý với các Sở, Ngành và địa phương được giao chủ trì của từng chỉ tiêu để rà soát nắm bắt những nội dung công việc đã triển khai; kịp thời dự báo được khả năng thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 để đề xuất giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện các chỉ số PCI trong những năm tiếp theo.

5.5. Giao Sở Nội vụ (*Ban Thi đua khen thưởng tỉnh*) đưa nội dung liên quan đến chỉ số PCI vào nội dung tiêu chí xem xét đánh giá thi đua của các đơn vị hàng năm (*dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại cuối năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư*); đồng thời phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bình chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị các cấp thẩm quyền tặng các hình thức khen thưởng phù hợp vào các dịp sơ kết, tổng kết hoặc khen thưởng đột xuất.

5.6. Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Bạc Liêu chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, phổ biến Chương trình hành động này trong các ngành, các cấp. Đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính tạo đồng thuận trong xã hội và thúc đẩy mạnh mẽ công tác cải cách thủ tục hành chính tại các Sở, Ban, Ngành, địa phương.

5.7. Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các doanh nghiệp trên địa bàn tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, tạo cơ chế thông tin hiệu quả, góp phần xây dựng bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh Bạc Liêu thành chính quyền thân thiện và đồng hành cùng doanh nghiệp, cùng đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

5.8. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công cho các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chương trình này; đồng thời, phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình hành động này. Kết quả thực hiện Chương trình được đưa vào đánh giá chất lượng hoạt động của từng Sở, Ban,

Ngành và địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại phiên họp thường kỳ tháng 12 hàng năm.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, giải quyết. *khue*

Nơi nhận: *khue*

- VP Chính phủ;
- Bộ KHĐT; Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ Quốc Việt Nam tỉnh;
- VCCI; VCCI Chi nhánh Cần Thơ
- Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh HTX;
- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- TP, PTP và CV thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CH (CTr 01) *khue*



Phạm Văn Thiều